

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Mẫu 5

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Tâm lí học

Mã số: 52 31 04 01

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Tâm lí học
Mã số: 52 31 04 01

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

MỤC LỤC

PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	3
1.1. Mục tiêu chung.....	3
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra.....	3
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức	3
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng.....	4
1.2.3. Yêu cầu về thái độ	5
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	6
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	6
1.5. Các chương trình đã tham khảo	6
1.5.1. Các chương trình trong nước	6
1.5.2. Các chương trình nước ngoài.....	7
PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	8
2.1. Khái quát chương trình đào tạo.....	8
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo.....	8
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo	8
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	8
2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	9
2.2. Khung chương trình đào tạo.....	10
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành: (không phân chuyên ngành).....	12
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ	13
PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN.....	16
NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG	17
GIẢI PHẪU VÀ SINH LÝ HOẠT ĐỘNG THẦN KINH CẤP CAO.....	21
LỊCH SỬ TÂM LÝ HỌC	26
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÂM LÝ HỌC.....	30
TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG	33
TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI	37
TÂM LÝ HỌC PHÁT TRIỂN	40
TÂM LÝ HỌC NHÂN CÁCH.....	46
TÂM LÝ HỌC NHẬN THỨC	50
TÂM LÝ HỌC GIAO TIẾP	54
TÂM LÝ HỌC GIỚI TÍNH.....	57

CHẨN ĐOÁN TÂM LÍ	60
TÂM LÍ HỌC QUẢN LÝ	63
TÂM LÝ HỌC LAO ĐỘNG	66
TÂM LÝ HỌC PHÁP LUẬT	69
TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC	73
TÂM LÝ HỌC THAM VẤN.....	76
TÂM BỆNH HỌC.....	80
TÂM LÝ HỌC LỆCH CHUẨN	83
TÂM LÝ HỌC TÔN GIÁO	86
TÂM LÝ HỌC DÂN TỘC	89
TÂM LÝ HỌC GIA ĐÌNH.....	92
TÂM LÝ HỌC Y HỌC.....	96
TÂM LÝ HỌC THỂ DỤC THỂ THAO	99
TÂM LÝ HỌC DU LỊCH.....	102
TÂM LÝ HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH.....	105
TÂM LÝ HỌC HỌC ĐƯỜNG.....	108
THAM VẤN HƯỚNG NGHIỆP	111
THAM VẤN CHO TRẺ CHẬM PHÁT TRIỂN VÀ KHUYẾT TẬT	115
THAM VẤN CHO TRẺ CÓ HÀNH VI LỆCH CHUẨN VÀ KHÓ HÒA NHẬP.....	119
THAM VẤN CHO TRẺ NĂNG KHIẾU VÀ PHÁT TRIỂN SỚM	123
THAM VẤN TÂM LÝ CHO TRẺ MÀM NON & TIỂU HỌC.....	126
THAM VẤN TÂM LÝ CHO THANH THIẾU NIÊN	129
TÂM LÝ HỌC TỔ CHỨC	132
TÂM LÝ HỌC NHÂN SỰ	135
TÂM LÝ HỌC QUẢNG CÁO	140
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH.....	145
PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÂM LÝ HỌC	148
QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC	152
QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG.....	155
GIÁ TRỊ SỐNG VÀ KỸ NĂNG SỐNG	158
KỸ NĂNG CÔNG TÁC XÃ HỘI	162
HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC TINH THẦN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG	166
HOẠT ĐỘNG NHÓM VÀ KỸ NĂNG TRUYỀN THÔNG	169

PHẦN 1

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học (TLH) trình độ đại học đào tạo những cử nhân TLH có tư tưởng chính trị tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp cần thiết để nghiên cứu khoa học tâm lý (TL); ứng dụng thực hành TL trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội; công tác nhân sự tại các cơ quan, tổ chức; tham vấn TL cho các đối tượng khác nhau. Ngoài ra, chương trình đào tạo cũng chuẩn bị cho sinh viên cơ hội học lên các trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

▪ *Kiến thức chung*

- Có kiến thức cơ bản về: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương;

- Vận dụng các quan điểm cơ bản vào nghiên cứu tâm lý con người;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chung về xã hội (lịch sử văn minh thế giới, nhân học đại cương, xã hội học đại cương, pháp luật đại cương...) để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý con người;

- Hiểu và vận dụng kiến thức về giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao để phân tích cơ sở sinh học của các hiện tượng tâm lý;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về thống kê xã hội, phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và phương pháp nghiên cứu tâm lý học để triển khai một nghiên cứu tâm lý học.

▪ *Kiến thức chuyên ngành*

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về bản chất và quy luật của các hiện tượng tâm

lí người để giải thích các hiện tượng tâm lí người;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về bản chất và quy luật của các hiện tượng tâm lí cá nhân và xã hội để giải thích các hiện tượng tâm lí cá nhân và xã hội;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về quy luật và con đường hình thành, phát triển nhân cách để giải thích đặc điểm nhân cách của một con người;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về sự phát triển tâm lí người qua từng thời kỳ để giải thích đặc điểm tâm lí từng lứa tuổi con người;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về bản chất và quy luật của các hiện tượng tâm lí người trong lĩnh vực quản lí, lao động, pháp luật, giáo dục, giao tiếp để giải thích các hiện tượng tâm lí con người trong các lĩnh vực này;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về các hiện tượng tâm lí con người theo giới tính, tôn giáo, dân tộc, gia đình để giải thích sự khác biệt của tâm lí con người;

- Hiểu và vận dụng kiến thức về hành vi lệch chuẩn trong xã hội để giải thích các hành vi này và phân tích các con đường chữa trị;

- Hiểu và vận dụng kiến thức về các hiện tượng tâm lí con người trong một số lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội (y học, thể dục thể thao, quản trị kinh doanh, quảng cáo, du lịch, học đường) để phân tích các hiện tượng tâm lí người trong từng lĩnh vực;

- Hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lí trong lĩnh vực tổ chức và quản lí nhân sự;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về tham vấn tâm lí cho các đối tượng khác nhau theo các nội dung khác nhau.

▪ ***Kiến thức bổ trợ***

Ngoại ngữ (tiếng Anh) và Tin học theo qui định tại Phụ lục chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (tiếng Anh) và Tin học cho các ngành đào tạo (đính kèm Quyết định).

1.2.2. Yêu cầu về kĩ năng

▪ ***Kĩ năng chung***

- Kỹ năng giao tiếp;
- Kỹ năng học và tự học;
- Kỹ năng tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề;
- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện;
- Kỹ năng làm việc nhóm.

▪ ***Kỹ năng chuyên ngành***

- Kỹ năng thiết kế và triển khai nghiên cứu tâm lý;
- Kỹ năng sử dụng trắc nghiệm và phân tích kết quả chẩn đoán, đánh giá tâm lý người;
- Kỹ năng nhận dạng các vấn đề tâm lý trong các lĩnh vực tâm lý khác nhau của đời sống xã hội;
- Kỹ năng tham vấn cơ bản và tham vấn cho các đối tượng khác nhau;
- Kỹ năng sử dụng các trắc nghiệm tâm lý và phỏng vấn tuyển dụng;
- Kỹ năng tổ chức lao động và quản lý nhân sự dưới góc độ của tâm lý học;

1.2.3. Yêu cầu về thái độ

- Tâm huyết với nghề nghiệp;
- Tận tâm phục vụ cộng đồng;
- Tôn trọng và yêu thương con người;
- Tinh thần cầu tiến, ham học hỏi;
- Tinh thần trách nhiệm cao với con người, với công việc;
- Ý thức tổ chức kỉ luật, tôn trọng nội quy lao động;
- Tự tin, lạc quan (truyền sức mạnh tinh thần, niềm tin cho người khác);
- Kiên nhẫn và bình tĩnh trong giao tiếp với người khác;
- Bản lĩnh chịu đựng áp lực của nghề nghiệp;

- Ý thức tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp (giữ bí mật, vì lợi ích của con người, tôn trọng con người).

1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên tham vấn tâm lý (trong các công ty, trung tâm làm dịch vụ tư vấn tâm lý, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, cao đẳng, đại học, ...);

- Nhân viên bộ phận nhân sự, tiếp thị, quảng cáo, nghiên cứu thị trường... trong các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp các lĩnh vực xã hội khác nhau;

- Cán bộ chuyên môn tâm lý trong các cơ sở y khoa, trung tâm dưỡng lão, trung tâm cai nghiện, cơ sở giáo dục đặc biệt, các trường giáo dưỡng;

- Cán bộ chuyên môn tâm lý trong các cơ sở thể dục thể thao, các trung tâm (nhà, cung) văn hóa;

- Cán bộ Đoàn, Đảng, cán bộ tuyên giáo,... trong các tổ chức Đoàn thể, chính quyền của các địa phương, các tổ chức xã hội khác;

- Cán bộ nghiên cứu tại các viện, trung tâm nghiên cứu và ứng dụng tâm lý học, cơ quan pháp luật, điều tra tâm lý tội phạm;

- Cán bộ các dự án phát triển cộng đồng tại các cơ quan, tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước;

- Cán bộ giảng dạy tâm lý học tại các trường cao đẳng, đại học, các trường dạy nghề.

1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Khả năng tự học và nghiên cứu khoa học về ngành tâm lý học và các ngành gần như giáo dục học, quản lý giáo dục;

- Khả năng học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ về các chuyên ngành của tâm lý học.

1.5. Các chương trình đã tham khảo

1.5.1. Các chương trình trong nước

Tham khảo chương trình đào tạo ngành TLH của các trường đại học: Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh,

Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Đà Nẵng, Trường ĐH Sư phạm Huế, Trường ĐH Văn Hiến.

1.5.2. Các chương trình nước ngoài

Tham khảo chương trình đào tạo ngành TLH của Trường ĐH Tổng hợp Bang California, Fullerton (Mỹ).

**DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA/NGÀNH

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Nguyễn Thị Thúy Dung

PHẦN 2

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chương trình đào tạo

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 04 năm.

2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: 150 tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 132 tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của môn học Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: 19 tín chỉ (bắt buộc: 19 tín chỉ; tự chọn: 00 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: 23 tín chỉ (bắt buộc: 23 tín chỉ; tự chọn: 00 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: 71 tín chỉ (bắt buộc: 48 tín chỉ; tự chọn: 23 tín chỉ);
- Thực tập nghề nghiệp: 9 tín chỉ;
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 10 tín chỉ.

2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;

- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

- Áp dụng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT, ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Áp dụng các văn bản quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

- Căn cứ kế hoạch giảng dạy trong chương trình đào tạo và hướng dẫn đăng kí môn học trước mỗi học kì, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên đăng kí môn học.

- Môn học được giảng dạy theo đề cương chi tiết môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

- Chương trình này được định kì xem xét, điều chỉnh hàng năm nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
I Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ										
Bắt buộc: 19/19 tín chỉ										
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	75				75	1	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30				30	1	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45				45	1	861002
4	Tiếng Anh I	866101	2	30				30	1	Điểm KS ≥ 50
5	Tiếng Anh II	866102	2	30				30	1	866101
6	Tiếng Anh III	866103	3	45				45	1	866102
7	Pháp luật đại cương	865006	2	30				30	1	
8	Giáo dục thể chất (I)	862101	1				30	30	0.5	
9	Giáo dục thể chất (II)	862102	1				30	30	0.5	862101
10	Giáo dục thể chất (III)	862103	1				30	30	0.5	862101
11	Giáo dục quốc phòng - AN (I)	862106	3	45				45	1	861003
12	Giáo dục quốc phòng - AN (II)	862107	2	30				30	1	
13	Giáo dục quốc phòng - AN (III)	862108	3				45	45	1	
Tự chọn: 00/19 tín chỉ										
II Khối kiến thức cơ sở: 23/132 tín chỉ										
Bắt buộc: 23/23 tín chỉ										
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	868001	2	30				30	1	
15	Xác suất thống kê B	864002	3	45				45	1	
16	Lịch sử văn minh thế giới	865003	2	30				30	1	
17	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2	30				30	1	
18	Đại cương xã hội học	865007	2	30				30	1	
19	Logic học	865005	2	30				30	1	
20	Nhân học đại cương	853001	2	30	0	0	0	30	1	
21	Giải phẫu và sinh lí hoạt động thần kinh cấp cao	853002	3	30	15	0	0	45	1	
22	Lịch sử tâm lí học	853003	3	35	10	0	0	45	1	
23	Phương pháp nghiên cứu Tâm lí học	853004	2	20	10	0	0	30	1	868001 864002
Tự chọn: 00/23 tín chỉ										
III Khối kiến thức ngành: 71/132 tín chỉ										
Bắt buộc: 48/71 tín chỉ										
24	Tâm lí học đại cương (ngành TLH)	853006	4	40	15	5	0	60	1	

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
25	Tâm lí học xã hội	853007	3	30	10	5	0	45	1	853006
26	Tâm lí học phát triển	853008	3	30	10	5	0	45	1	853006
27	Tâm lí học nhân cách	853009	3	30	10	5	0	45	1	853006
28	Tâm lí học nhận thức	853010	3	30	10	5	0	45	1	853006
29	Tâm lí học giao tiếp	853011	3	30	10	5	0	45	1	853007
30	Tâm lí học giới tính	853012	3	30	10	5	0	45	1	853006
31	Chẩn đoán tâm lí	853013	3	30	10	5	0	45	1	853006
32	Tâm lí học quản lí	853014	2	20	5	5	0	30	1	853007
33	Tâm lí học lao động	853015	2	20	5	5	0	30	1	853007
34	Tâm lí học pháp luật	853016	2	20	5	5	0	30	1	853006
35	Tâm lí học giáo dục	853301	2	20	5	5	0	30	1	853006
36	Tâm lí học tham vấn	853018	3	30	10	5	0	45	1	853006
37	Tâm bệnh học	853019	3	30	10	5	0	45	1	853006
38	Tâm lí học lệch chuẩn	853020	2	20	5	5	0	30	1	853006
39	Tâm lí học tôn giáo	853021	2	20	5	5	0	30	1	853007
40	Tâm lí học dân tộc	853022	2	20	5	5	0	30	1	853007
41	Tâm lí học gia đình	853023	2	20	5	5	0	30	1	853007
42	Thực tế chuyên môn	853040	1				15	15	1	853018 + 853035 hoặc 853036 hoặc 853037
Tự chọn: 23/71 tín chỉ										
+ Ứng dụng tâm lí học trong các lĩnh vực hoạt động xã hội			5/11							
43	Tâm lí học y học	853024	2	20	5	5	0	30	1	853007
44	Tâm lí học thể dục - thể thao	853025	2	20	5	5	0	30	1	853006
45	Tâm lí học du lịch	853026	2	20	5	5	0	30	1	853007
46	Tâm lí học quản trị kinh doanh	853027	2	20	5	5	0	30	1	853006
47	Tâm lí học học đường	853028	3	30	10	5	0	45	1	853008
+ Ứng dụng tâm lí học trong công tác tham vấn tâm lí			12/18							
48	Tham vấn hướng nghiệp	853029	3	30	10	5	0	45	1	853018
49	Tham vấn cho trẻ chậm phát triển và khuyết tật	853030	3	30	10	5	0	45	1	853018
50	Tham vấn cho trẻ có hành vi lệch chuẩn và khó hòa nhập	853031	3	30	10	5	0	45	1	853018

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
51	Tham vấn cho trẻ năng khiếu và phát triển sớm	853032	3	30	10	5	0	45	1	853018
52	Tham vấn cho trẻ mầm non và tiểu học	853033	3	30	10	5	0	45	1	853018
53	Tham vấn cho thanh thiếu niên	853034	3	30	10	5	0	45	1	853018
	+ Ứng dụng tâm lý học trong công tác tổ chức - nhân sự, tuyên truyền, quảng cáo		4/6							
54	Tâm lý học tổ chức	853035	2	20	5	5	0	30	1	853007
55	Tâm lý học nhân sự	853036	2	20	5	5	0	30	1	853007
56	Tâm lý học quảng cáo	853037	2	20	5	5	0	30	1	853007
	+ Khối kiến thức về nghiên cứu, giảng dạy		2/4							
57	Tiếng Anh chuyên ngành	853038	2	20	5	5	0	30	1	853007 853008 853017
58	Phương pháp giảng dạy tâm lý học	853039	2	20	5	5	0	30	1	853006
IV	Khối kiến thức chuyên ngành: 00/132 tín chỉ (không phân chuyên ngành)									
V	Thực tập: 9/132 tín chỉ									
59	Thực tập tốt nghiệp	853098	9				135	135		853040
VI	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 10/132 tín chỉ									
60	Khóa luận tốt nghiệp	853099	10							
	Các học phần thay thế KLTN		10/12							
61	Quản trị nguồn nhân lực (ngành TLH)	853041	2	20	5	5	0	30	1	
62	Quản lý dự án phát triển cộng đồng	853042	2	20	5	5	0	30	1	
63	Giá trị sống và kỹ năng sống	853043	2	20	5	5	0	30	1	
64	Kỹ năng công tác xã hội	853044	2	20	5	5	0	30	1	
65	Hoạt động chăm sóc tinh thần cho người lao động	853045	2	20	5	5	0	30	1	
66	Hoạt động nhóm và kỹ năng truyền thông	853046	2	20	5	5	0	30	1	
	Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy		132 tín chỉ/ 150 tín chỉ							

2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành: không phân chuyên ngành.

2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ											
	Bắt buộc: 19/19 tín chỉ											
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5									
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2									
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3									
4	Tiếng Anh I	866101	2									
5	Tiếng Anh II	866102	2									
6	Tiếng Anh III	866103	3									
7	Pháp luật đại cương	865006	2									
8	Giáo dục thể chất (I)	862101	1									
9	Giáo dục thể chất (II)	862102	1									
10	Giáo dục thể chất (III)	862103	1									
11	Giáo dục quốc phòng - An ninh (I)	862106	3									
12	Giáo dục quốc phòng - An ninh (II)	862107	2									
13	Giáo dục quốc phòng - An ninh (III)	862108	3									
	Tự chọn: 00/19 tín chỉ											
II	Khối kiến thức cơ sở: 23/132 tín chỉ											
	Bắt buộc: 23/23 tín chỉ											
14	Phương pháp NCKH	868001	2	x								
15	Xác suất thống kê B	864002	3	x								
16	Lịch sử văn minh thế giới	865003	2									
17	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2									
18	Đại cương xã hội học	865007	2									
19	Logic học	865005	2									
20	Nhân học đại cương	853001	2	x								
21	Giải phẫu và sinh lí hoạt động thần kinh cấp cao	853002	3	x								
22	Lịch sử tâm lí học	853003	3	x								
23	Phương pháp nghiên cứu Tâm lí học	853004	2		x							
	Tự chọn: 00/23 tín chỉ											
III	Khối kiến thức ngành: 71/132 tín chỉ											
	Bắt buộc: 48/71 tín chỉ											
24	Tâm lí học đại cương (ngành TLH)	853006	4	x								
25	Tâm lí học xã hội	853007	3		x							
26	Tâm lí học phát triển	853008	3		x							
27	Tâm lí học nhân cách	853009	3		x							
28	Tâm lí học nhận thức	853010	3		x							
29	Tâm lí học giao tiếp	853011	3			x						
30	Tâm lí học giới tính	853012	3		x							

	Học các học phần tích lũy 10 tín chỉ nếu không làm khóa luận TN		10/12										
61	Quản trị nguồn nhân lực (ngành TLH)	853041	2							x			
62	Quản lý dự án phát triển cộng đồng	853042	2							x			
63	Giá trị sống và kỹ năng sống	853043	2							x			
64	Kỹ năng công tác xã hội	853044	2							x			
65	Hoạt động chăm sóc tinh thần cho người lao động	853045	2							x			
66	Hoạt động nhóm và kỹ năng truyền thông	853046	2							x			
Tổng cộng:			132/150	17	17	14	14	12	11	11	9		
<i>Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy</i>			<i>132 tín chỉ/ 150 tín chỉ</i>										

**DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA/NGÀNH

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Nguyễn Thị Thúy Dung